

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Chung

Ông Nguyễn Quốc Toàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa :
Ông Phạm Hữu Huỳnh– Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Châu Ngọc C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt anh C; chị Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/7/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Chị Q cũng đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị Q và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng

không còn nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Ngọc C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Châu Gia P1, sinh ngày 20/9/2013, từ khi ly thân nhau cho đến nay cháu P1 do chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2020 và tại phiên tòa bị đơn anh Châu Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Anh và chị Q đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Châu Gia P1, sinh ngày 20/9/2013. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu P1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu P1 thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy khai sinh con (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), bản tự khai (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh đối với bà Y, ông D. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Q không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Giao cháu P1, sinh ngày 20/9/2013 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Q có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn với anh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và xác định chị Q là nguyên đơn, anh C là bị đơn.

[1.2] Anh C là bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Q và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2013. Như vậy, hôn nhân giữa chị Q và anh C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự thể hiện: Chị Q yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi và xung đột, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2014. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh C yêu cầu ly hôn của chị Q được anh C đồng ý.

Xét, chị Q và anh C hiện nay đã không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh C cũng đồng ý ly hôn với chị Q.

Như vậy, có căn cứ xác định chị Q và anh C đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh C, chị Q có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh C có 01 người con chung là P1, sinh ngày 20/9/2013. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P1 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C cũng đồng ý giao cháu P1 cho chị Q nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Xét thấy, hiện nay chị Q có đủ điều kiện để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1, cháu P1 cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Q sau khi vợ chồng ly hôn. Anh C cũng đồng ý giao cháu P1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P1, sinh ngày 20/9/2013 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

Mặc dù, chị Q không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh C.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Q được ly hôn với anh C.

- *Về con chung:* Giao cháu P1, sinh ngày 20/9/2013 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi

con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho cháu P1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị Q, anh C có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ *Về án phí*: Chị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0003575 ngày 04/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

Anh C phải nộp 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con.

3/ Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P(để ghi vào sổ hộ tịch; số 53 ngày 30/5/2013);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh